

			- Xăng các loại:	
2710	00	11	- - Xăng máy bay	15
2710	00	12	- - Xăng dung môi	10
2710	00	19	- - Xăng loại khác	60
2710	00	20	- Diesel	20
2710	00	30	- Madut	0
2710	00	40	- Nhiên liệu dùng cho máy bay (TC1, ZA1...)	25
2710	00	50	- Dầu hỏa thông dụng	15
2710	00	60	- Naptha, Reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng	60
2710	00	70	- Condensate và các chế phẩm tương tự	35
2710	00	90	- Loại khác	10

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan từ ngày 22 tháng 10 năm 2001. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

THÔNG TƯ số 86/2001/TT-BTC ngày 29/10/2001 hướng dẫn hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với thuốc lá điếu xuất khẩu.

Căn cứ vào quy định tại Điều 3, 4, 12 Nghị định số 84/1998/NĐ-CP ngày 12/10/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;

Để thực hiện việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá điếu xuất khẩu tại Công văn số 651/CP-KTTH ngày 23/7/2001 của Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt như sau:

1. Đối tượng và điều kiện hoàn thuế.

Các cơ sở kinh doanh thành lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh gọi tắt là cơ sở kinh doanh (kể cả các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty trước đây) đã đăng ký thuế, có giấy phép kinh doanh thuốc lá điếu đã trực tiếp xuất khẩu thuốc lá điếu nhãn hiệu bản quyền nước ngoài sản xuất tại Việt Nam là đối tượng được hoàn lại thuế tiêu thụ đặc biệt.

Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoàn lại cho cơ sở xuất khẩu thuốc lá điếu được xác định là số thuế tiêu thụ đặc biệt đã thu ở khâu sản xuất thuốc lá điếu do cơ sở xuất khẩu mua trực tiếp từ chi nhánh thuốc lá nước ngoài tại Việt Nam hoặc từ các cơ sở là nhà phân phối có hợp đồng mua trực tiếp thuốc lá điếu của chi nhánh thuốc lá nước ngoài tại Việt Nam.

Cơ sở xuất khẩu thuốc lá điếu phải đăng ký với cơ quan thuế địa phương về loại thuốc lá điếu (tên nhãn hiệu thuốc lá) xuất khẩu, tên cơ sở bán thuốc lá cho cơ sở để xuất khẩu, có đầy đủ hồ sơ chứng từ xác định về thuốc lá xuất khẩu theo quy định tại điểm 3 dưới đây.

2. Xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn.

Số thuế tiêu thụ đặc biệt được xét hoàn theo số lượng thuốc lá thực tế xuất khẩu từng quý.

Số thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn	=	Số lượng thuốc lá xuất khẩu	x	Mức thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu sản xuất
-------------------------------------	---	-----------------------------	---	---

Mức thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu sản xuất do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) xác định theo số kê khai nộp tại khâu sản xuất.

3. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt.

Các cơ sở xuất khẩu thuốc lá nhãn hiệu bản quyền nước ngoài sản xuất tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt gửi văn bản đề nghị hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt cho Cục

Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính kèm theo đầy đủ các hồ sơ sau:

- Bảng kê hóa đơn mua thuốc lá;
- Bảng kê hóa đơn bán thuốc lá xuất khẩu;
- Bảng kê xuất, nhập, tồn kho thuốc lá;
- Giấy phép kinh doanh thuốc lá điếu;
- Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có xác nhận của cơ quan hải quan về số lượng thuốc lá nhãn hiệu bản quyền nước ngoài sản xuất tại Việt Nam đã xuất khẩu theo quy định của Tổng cục Hải quan;
- Hợp đồng bán hàng (bằng văn bản) giữa cơ sở xuất khẩu với thương nhân nước ngoài; Hợp đồng mua thuốc lá nhãn hiệu bản quyền nước ngoài sản xuất tại Việt Nam giữa cơ sở xuất khẩu với chi nhánh thuốc lá nước ngoài tại Việt Nam hoặc nhà phân phối có hợp đồng mua trực tiếp thuốc lá điếu của chi nhánh thuốc lá nước ngoài tại Việt Nam phù hợp với quy định tại Điều 49, 50 và Điều 81 Luật Thương mại;

- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng thương mại dưới các hình thức thư tín dụng, nhờ thu, chuyển tiền phù hợp với quy định hiện hành của Ngân hàng nhà nước và thỏa thuận trong hợp đồng xuất khẩu. Trường hợp được Ngân hàng nhà nước cho phép thu bằng tiền mặt là ngoại tệ do chuyển đổi phải có giấy phép của Ngân hàng nhà nước, xác nhận của phía nước ngoài về số lượng hàng đã nhận và số tiền đã thanh toán, chứng từ đã nộp tiền vào tài khoản của cơ sở tại ngân hàng thương mại.

Riêng các trường hợp đã xuất khẩu sang các nước có chung đường biên giới Việt Nam theo hình thức mua bán hàng hóa qua biên giới trên bộ trước ngày ban hành Thông tư này nếu thanh toán bằng tiền mặt (tiền Đồng Việt Nam hoặc đồng tiền của nước có chung biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu Việt Nam) phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước phải có chứng từ xác nhận của phía nước ngoài về số lượng hàng hóa đã nhận, số tiền đã thanh toán cũng được coi là chứng từ thanh toán hợp lệ.

Các hồ sơ, thủ tục hoàn thuế của cơ sở gửi cho Cục Thuế phải là bản chính, riêng giấy phép kinh doanh thuốc lá điếu, tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hợp đồng thương mại, chứng từ thanh toán nếu là bản sao phải có xác nhận, đóng dấu sao y bản chính của cơ sở. Cơ sở phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các số liệu, chứng từ liên quan đến hồ sơ hoàn thuế.

Hồ sơ xét hoàn thuế được lập theo từng quý. Riêng các trường hợp đã xuất khẩu thuốc lá điếu từ ngày 01 tháng 1 năm 2001 đến ngày 30 tháng 9 năm 2001 thì cơ sở xuất khẩu lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế một lần đối với thuốc lá điếu đã xuất khẩu gửi đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước ngày 15 tháng 11 năm 2001.

4. Trình tự và thẩm quyền hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt.

Cục Thuế nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở thực hiện kiểm tra:

- Xác định đối tượng đề nghị hoàn thuế có đúng đối tượng được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt không.
- Kiểm tra hồ sơ đã lập đúng quy định chưa, nếu chưa đúng, chưa đủ phải yêu cầu đơn vị bổ sung.
- Kiểm tra về số lượng thuốc lá mua vào, số thực tế đã xuất khẩu, các hóa đơn, chứng từ liên quan đến thuốc lá xuất khẩu.

Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế của cơ sở, Cục Thuế kiểm tra hồ sơ, có văn bản xác định cụ thể về số lượng từng loại mác thuốc lá nhãn hiệu bản quyền nước ngoài sản xuất tại Việt Nam mà đơn vị thực tế đã xuất khẩu đề nghị Bộ Tài chính hoàn thuế gửi cùng hồ sơ hoàn thuế của cơ sở về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế); trường hợp cơ sở không đủ điều kiện được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt thì Cục Thuế phải trả lời bằng văn bản cho cơ sở biết.

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế do Cục Thuế

gửi về, Tổng cục Thuế có trách nhiệm kiểm tra xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn trình Bộ Tài chính quyết định hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt cho cơ sở.

Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoàn cho cơ sở xuất khẩu thuốc lá có nhãn hiệu bản quyền nước ngoài sản xuất tại Việt Nam xuất khẩu, cơ sở phải tính vào thu nhập để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Thời hiệu thi hành.

Việc hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng cho thuốc lá điều có nhãn hiệu bản quyền nước ngoài sản xuất tại Việt Nam xuất khẩu từ ngày 01 tháng 1 năm 2001./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

VŨ VĂN NINH

THÔNG TƯ số 87/2001/TT-BTC ngày 30/10/2001 hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng Chương trình khung cho các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học.

Căn cứ Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 37 của Luật Giáo dục "yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục nghề nghiệp; giáo dục đại học, cao đẳng và giáo trình trung học chuyên nghiệp, giáo trình cao đẳng, giáo trình đại học";

Căn cứ Điều 5 Nghị định số 43/2000/NĐ-CP ngày 30/8/2000 của Chính phủ quy định chi tiết

và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng Chương trình khung cho các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học như sau:

1. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các Hội đồng tư vấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập, các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ xây dựng Chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học.

2. Nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này áp dụng cho việc xây dựng Chương trình khung của các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và biên soạn chương trình, giáo trình của các môn học từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước đảm bảo. Trong đó:

2.1. Chi hoạt động Hội đồng khối, Hội đồng ngành, Hội đồng môn học, gồm:

Chi hội nghị, hội thảo tập huấn, công tác phí, in ấn, cước phí điện thoại, văn phòng phẩm thực hiện theo quy định hiện hành.

2.2. Chi phụ cấp trách nhiệm cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban thư ký và các thành viên trong các Hội đồng khối, Hội đồng ngành, Hội đồng môn học trong thời gian làm chương trình, giáo trình:

+ Mức chi cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban thư ký: 150.000 đồng/người/tháng.

+ Mức chi cho các thành viên: 100.000 đồng/người/tháng.

2.3. Chi xây dựng Chương trình khung cho các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung học